

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2022
V/v **ly hôn**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Kim Dũng

Ông Phạm Thanh Giản

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đình Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc **ly hôn** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 230/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H; nơi cư trú: Tổ 3, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế K; nơi cư trú: Tổ 3, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế K kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường T, quận D đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,

cãi nhau, anh K có hành vi bạo lực với chị, hai vợ chồng đã sống ly thân 05 năm nay. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, căng thẳng, không thể hòa giải được. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thế K, sinh năm 2000 và Nguyễn Thế M, sinh năm 2002. Các cháu đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn là anh Nguyễn Thế K trình bày: Về xác nhận về thời gian kết hôn, mâu thuẫn như chị H trình bày. Anh không đồng ý ly hôn, chị H cứ giải quyết một phía. Anh không lên Tòa án, do công việc bận, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú xác định: Chị H và anh K có mâu thuẫn nhưng không hòa giải được, hiện nay đã sống ly thân nhau. Về con chung: Anh chị có 02 con chung đã trưởng thành.

Trước khi mở phiên tòa, chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án; anh K vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn anh K; về con chung: Các con chung của anh chị đều đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về tài sản chung, chị H và anh K không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thế K cư trú tại: Tổ 3, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, chị H và anh K đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh K.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thế K xây dựng gia đình với nhau năm 1997, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4] Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hòa hợp, hàng ngày xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, anh K có hành vi bạo lực gia đình với chị H, hai vợ chồng đã sống ly thân 05 năm nay. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, căng thẳng, không thể hòa giải được. Quá trình xác minh thập chứng cứ tại nơi chị H và anh K cư trú xác định: Hiện tại, chị H và anh K đã sống ly thân nhau. Chị H làm đơn xin ly hôn anh K, Tòa án đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn giữa hai bên nhưng không thành. Bản thân anh K không đồng ý ly hôn nhưng chấp nhận việc chị H xin ly hôn đơn phương, anh K cũng không lên tòa án hòa giải và không có giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, có thể thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị H xin ly hôn anh K là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[5] Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thế K, sinh năm 2000 và Nguyễn Thế M, sinh năm 2002. Các cháu đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

[6] Chị H và anh K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Chị Trần Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thế K được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 238 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thế K.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thế K, sinh năm 2000 và Nguyễn Thế M, sinh năm 2002, các con đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh K không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết

4. Về án phí: Chị Trần Thị H là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0002820 ngày 21-4-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: **Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thế K** vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND xã N (ĐKKH 1997);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng